

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09-9-2021

V/v Ly hôn
giữa ông Lê Văn H
và bà Đỗ Thị S

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Giao.

Ông Vũ Cao Thượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 8 và ngày 09 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn H; sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm T, xã G1, huyện G, tỉnh N; “vắng mặt”.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị S; sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm T, xã G1, huyện G, tỉnh N; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là ông Lê Văn H trình bày: Ông và bà Đỗ Thị S tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã G1, huyện G, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30- 01- 2013. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, đến năm 2014 thì sống ly thân. Nguyên nhân là do

trước khi lấy bà S ông gặp khó khăn về kinh tế, người vợ cả của ông mất nên ông phải nuôi hai con đang tuổi ăn học, khi lấy bà S về, bà S không chăm lo cho cuộc sống gia đình cùng ông được. Nay ông xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ được nữa đề nghị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy giải quyết cho ông được ly hôn bà Đỗ Thị S.

Về con: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, ruộng nhận khoán của hợp tác xã: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Đỗ Thị S, nH bà S đều vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 29- 7- 2021, xóm trường xóm T, hội phụ nữ xã và đại diện UBND xã G1, huyện G, tỉnh N cung cấp: Ông Lê Văn H và bà Đỗ Thị S được UBND xã G1 cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 30- 01- 2013. Vợ chồng sống không hợp nhau xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân đã lâu nên khả năng đoàn tụ là khó. Nay ông H ly hôn với bà S, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Vợ chồng không có con chung, không vướng mắc nợ nần gì với tập thể, địa phương.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Căn cứ các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Đỗ Thị S được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai; căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn H và bà Đỗ Thị S tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã G1, huyện G, tỉnh N ngày 30- 01- 2013 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau cưới, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 20- 5- 2014 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà S, nhưng bà S đều vắng mặt. Như vậy, bà S không tha thiết đến cuộc sống chung của vợ chồng nữa. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà S đã trầm trọng, nếu kéo dài

cũng không mang lại hạnh phúc. Vì vậy chấp nhận nguyện vọng của ông Lê Văn H xin ly hôn bà Đỗ Thị S là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con: Vợ chồng không có con chung.

[4] Về tài sản: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Lê Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử lý hôn giữa ông Lê Văn H và bà Đỗ Thị S.

2. Về án phí: Ông Lê Văn H phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông H đã nộp theo biên lai thu số 0004077 ngày 06 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy nay được chuyển thành án phí (ông H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Văn H và bà Đỗ Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã G1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Ngọc Lễ

